

VN-Index 1698.9 (-1.17%)

643 Tr. cổ phiếu 16550.2 Tỷ VND (-17.33%)

HNX-Index 255.87 (-0.24%)

47 Tr. cổ phiếu 867.2 Tỷ VND (4.02%)

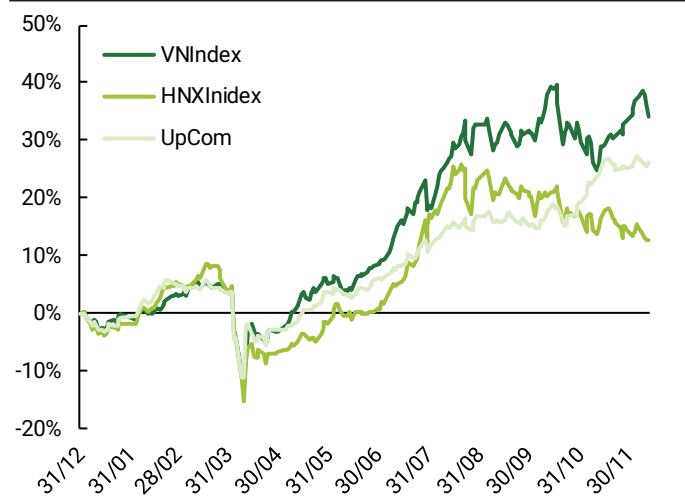
UPCOM-Index 119.99 (0.74%)

30 Tr. cổ phiếu 416.6 Tỷ VND (-29.93%)

VN30F1M 1919.10 (-0.82%)

335,919 HD OI: 32,033 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1698.9, giảm -20.1 điểm (-1.17%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng chi phối ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup điều chỉnh tiếp tục tạo áp lực lên thị trường, cùng với nhóm Ngân hàng hạ nhiệt cũng gây thêm trở ngại trong chiều hồi phục của chỉ số.

Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Xây dựng và Vật liệu: BMP (+7.0%), CTR (+0.5%) | Tài nguyên Cơ bản: TTF (+2.5%), SMC (+0.4%) | Bảo hiểm: BMI (+0.5%), BVH (+0.5%) | Công nghệ : FPT (+0.4%), CMG (+0.3%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: VPB (-2.9%), STB (-1.8%), | Bất động sản: IJC (-3.9%), VHM (-2.3%), VIC (-1.9%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (-2.5%), MSN (-1.2%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-6.4%), APH (-4.1%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | SAB, LPB, BMP, FPT, KBC - Chiều giảm | VIC, VHM, VPL, VPB, VPX

Khối ngoại Bán ròng hơn 480 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, STB, VHM, trong khi mua ròng FPT, MBB, VIX.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** nổi dài đã giảm sang phiên thứ ba và hạ nhiệt về khu vực quanh 1700 điểm. Chỉ báo MACD, RSI cũng đồng thời suy yếu hàm ý lực cung đang chiếm ưu thế. Điểm tích cực là thanh khoản giảm dần, cho thấy áp lực bán hạ bớt. Khu vực quanh 1700 cũng là vùng hỗ trợ tâm lý mạnh, có thể thúc đẩy lực cầu bắt đáy tham gia trở lại. Kỳ vọng giao dịch sẽ được củng cố quanh đây. Trong kịch bản thận trọng, nếu chỉ số tiếp tục lùi về dưới ngưỡng 1690, sẽ quay về khung dao động 1640 - 1690 điểm với biến động đi ngang không rõ ràng.
- **HNX-Index** tiếp tục lưỡng lự tại khu vực đáy 256. Vận động có lẽ còn rung lắc kiểm định quanh đây, với hỗ trợ thấp hơn quanh mốc 250 trong khi kháng cự là ngưỡng 265.
- **Chiến lược chung:** Nhịp hồi nên tận dụng đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn nếu tỷ trọng cổ phiếu vẫn còn ở mức cao. Trường hợp NĐT đã hạ bớt vị thế có thể nghiêng về nắm giữ và đứng ngoài quan sát thị trường. Ưu tiên quản trị rủi ro trong trường hợp có cổ phiếu bị vi phạm. Dòng tiền đang trở lại phân hóa và luân chuyển nhanh, hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bất tăng chưa rõ ràng. NĐT có thể phân bổ một phần tỷ trọng qua kênh phái sinh để phòng vệ giá (Hedging).

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán SHB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,698.9 ▼	-1.17%	-2.2%	6.6%	16,550.2 ▼	-17.3%	-37.7%	-16.3%	643.4 ▼	-5.8%	-28.2%	-3.3%				
HNX-Index	255.9 ▼	-0.2%	-2.5%	-2.0%	867.2 ▲	4.0%	-49.0%	-31.9%	46.8 ▲	5.1%	-40.0%	-17.7%				
UPCOM-Index	120.0 ▬	0.74%	-0.8%	1.8%	416.6 ▼	-29.9%	-47.0%	-51.3%	30.3 ▼	-5.5%	-22.8%	6.0%				
VN30	1,924.3 ▼	-1.2%	-2.8%	5.6%	9,146.8 ▼	-21.4%	-39.8%	-19.4%	232.5 ▼	-13.3%	-39.9%	-23.7%				
VNMID	2,238.2 ▼	-0.1%	-3.9%	0.4%	5,353.6 ▼	-16.6%	-42.8%	-22.8%	224.4 ▼	-9.1%	-42.3%	-15.0%				
VNSML	1,510.4 ▼	-0.38%	-1.3%	0.5%	1,237.5 ▲	1.4%	-11.6%	11.3%	109.8 ▲	11.5%	16.4%	50.8%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	616.0 ▼	-0.93%	-2.28%	2.2%	4,452.7 ▼	-12.82%	-29.8%	-21.4%	204.7 ▲	1.7%	-20.8%	-11.0%				
Bất động sản	739.9 ▼	-1.6%	4.3%	29.1%	3,835.6 ▼	-27.0%	-16.6%	-12.2%	123.6 ▼	-4.0%	-2.7%	-1.7%				
Dịch vụ tài chính	305.9 ▼	-2.1%	-1.3%	0.9%	1,833.5 ▼	-3.5%	-40.4%	-42.1%	74.7 ▼	-5.5%	-37.3%	-37.6%				
Công nghiệp	265.4 ▼	-2.1%	-5.8%	9.8%	988.7 ▼	-29.6%	-30.4%	-34.1%	24.6 ▼	-23.0%	-35.0%	-33.9%				
Tài nguyên cơ bản	527.1 ▼	-0.3%	-0.5%	0.6%	625.8 ▼	-43.8%	-39.6%	-39.0%	34.0 ▼	-41.3%	-30.5%	-24.7%				
Xây dựng - Vật Liệu	189.6 ▬	0.2%	-1.6%	2.8%	765.1 ▼	-1.8%	-27.4%	-26.0%	36.3 ▼	-4.9%	-26.7%	-20.7%				
Thực phẩm	561.0 ▼	-0.8%	-1.9%	6.5%	1,448.9 ▲	29.4%	-7.7%	-14.5%	46.1 ▲	63.2%	11.2%	-0.7%				
Bán Lẻ	1,516.1 ▼	-0.8%	-2.3%	8.0%	552.4 ▼	-19.1%	-38.7%	-26.1%	9.1 ▲	5.1%	-24.5%	-14.5%				
Công nghệ	513.1 ▬	0.4%	-0.9%	0.3%	594.4 ▲	43.4%	-18.7%	-18.5%	7.3 ▲	34.9%	-34.1%	-24.0%				
Hóa chất	164.3 ▼	-0.43%	-2.6%	-0.3%	218.2 ▼	-29.8%	-53.5%	-60.6%	11.1 ▼	-16.0%	-43.1%	-39.1%				
Tiện ích	655.5 ▼	-0.9%	-1.1%	2.1%	98.7 ▼	-72.0%	-65.6%	-68.3%	5.2 ▼	-75.9%	-65.4%	-66.5%				
Dầu khí	69.2 ▼	-0.75%	-3.8%	-3.4%	158.5 ▼	-40.5%	-53.4%	-68.9%	7.2 ▼	-39.0%	-51.5%	-64.5%				
Dược phẩm	427.9 ▬	0.1%	-0.5%	0.9%	35.4 ▼	-64.4%	-68.1%	-62.1%	3.7 ▼	-55.7%	-47.0%	-22.1%				
Bảo hiểm	90.1 ▬	0.5%	0.8%	2.8%	35.9 ▼	-1.3%	-29.6%	-9.0%	0.9 ▲	2.1%	-32.7%	-23.5%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,698.9 ▼	-1.2%	34.1%	16.7x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,254 ▼	-1.3%	-10.5%	13.5x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,620 ▼	-0.9%	21.8%	21.8x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,984 ▬	0.6%	-4.8%	15.9x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,990 ▬	0.5%	-8.3%	10.0x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,873 ▼	-0.7%	15.6%	18.5x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,531 ▼	-0.04%	27.3%	12.8x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,149 ▼	-0.90%	25.7%	22.3x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,887 ▬	0.7%	17.1%	27.4x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,058 ▲	1.0%	13.0%	23.2x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,663 ▬	0.1%	18.2%	14.6x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,728 ▬	0.35%	17.0%	17.3x	2.4x
DXV		98.6 ▼	-0.66%	-9.1%		
USDVND		26,332 ▼	-0.095%	3.3%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

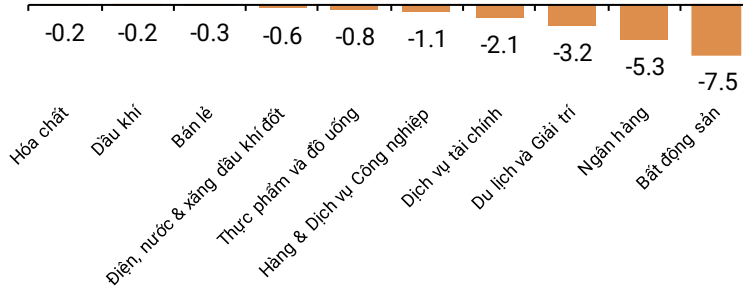
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.5%	-6.0%	-17.9%	-16.6%
Dầu WTI	▼	-1.0%	-5.6%	-19.6%	-18.0%
Khí gas	▼	-1.9%	-1.7%	23.5%	32.9%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	-4.3%	-7.2%
Thép HRC (*)	▼	0.0%	-0.2%	-5.5%	-8.1%
PVC (*)	▬	0.0%	-2.6%	-11.3%	-10.7%
Phân Urea (*)	▬	0.6%	-2.9%	6.2%	12.5%
Cao su thiên nhiên	▬	0.5%	1.2%	-12.8%	-15.3%
Bông Cotton	▬	0.4%	0.3%	-6.3%	-8.6%
Đường	▲	1.7%	4.7%	-22.5%	-29.9%
World Container Index	▲	1.6%	-0.1%	-48.5%	-44.6%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.1%	-1.1%	48.8%	48.1%
Vàng	▬	0.2%	2.2%	60.7%	55.2%
Bạc	▲	2.9%	21.9%	116.0%	95.7%

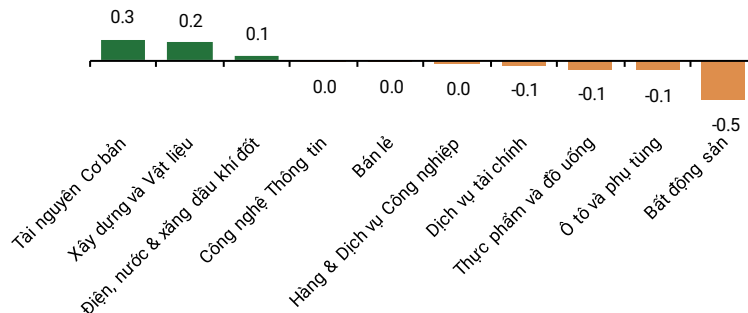
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.05 (BVH)	-0.62 (TCX)
+0.06 (PGV)	-0.75 (VNM)
+0.06 (QCG)	-1.07 (GEE)
+0.08 (GEX)	-1.12 (VCB)
+0.14 (VIX)	-1.14 (VJC)
+0.15 (FPT)	-1.30 (VPX)
+0.16 (KBC)	-1.51 (VPB)
+0.20 (LPB)	-1.92 (VPL)
+0.20 (BMP)	-2.20 (VHM)
+0.23 (SAB)	-4.82 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.03 (WCS)	-0.02 (VNR)
+0.03 (DHT)	-0.02 (PSD)
+0.03 (MST)	-0.03 (BCF)
+0.03 (PRE)	-0.03 (VNT)
+0.03 (HTC)	-0.03 (PVS)
+0.03 (SEB)	-0.03 (SCG)
+0.04 (VC3)	-0.05 (SHS)
+0.04 (THD)	-0.12 (HHC)
+0.21 (NTP)	-0.12 (HUT)
+0.28 (KSV)	-0.52 (KSF)

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

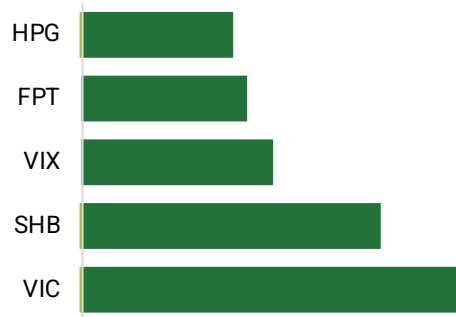
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+18 (PVD)	-41 (HDB)
+27 (VJC)	-42 (VCB)
+27 (BMP)	-51 (MSN)
+28 (FRT)	-61 (ACB)
+29 (CTG)	-64 (SHB)
+34 (HPG)	-71 (VPX)
+50 (VPL)	-102 (GMD)
+52 (VIX)	-105 (VHM)
+71 (MBB)	-158 (STB)
+240 (FPT)	-192 (VIC)

TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.1 (API)	-0.2 (DHT)
+0.1 (VC2)	-0.3 (NVB)
+0.1 (APS)	-0.3 (TNG)
+0.2 (HUT)	-0.3 (DTD)
+0.2 (BVS)	-0.3 (L40)
+0.4 (NRC)	-0.4 (VC3)
+0.5 (MST)	-0.8 (VFS)
+2.9 (NTP)	-1.8 (IDC)
+3.4 (PVS)	-6.5 (MBS)
+21.4 (SHS)	-34.5 (CEO)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	SHB	VIX	FPT	HPG
%DoD	-1.9%	-0.6%	1.7%	0.4%	-0.4%
Giá trị	1,138	901	580	501	458

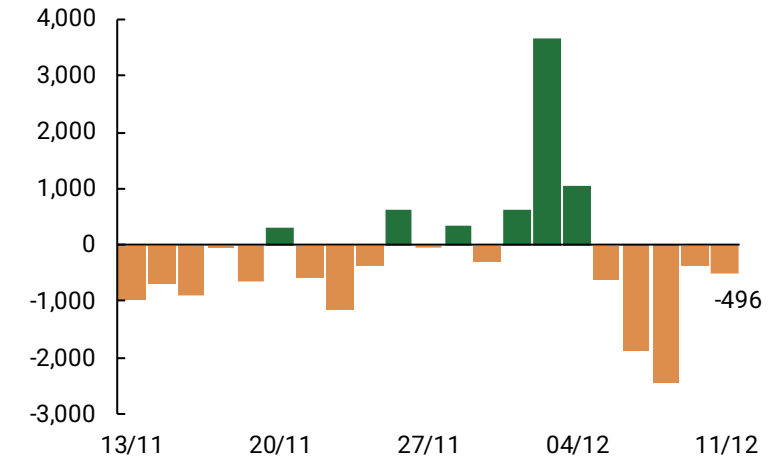
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	MSB	VHM	VIC	VPB	GMD
%DoD	0.0%	-2.3%	-1.9%	-2.9%	0.0%
Giá trị	528	507	245	215	188

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



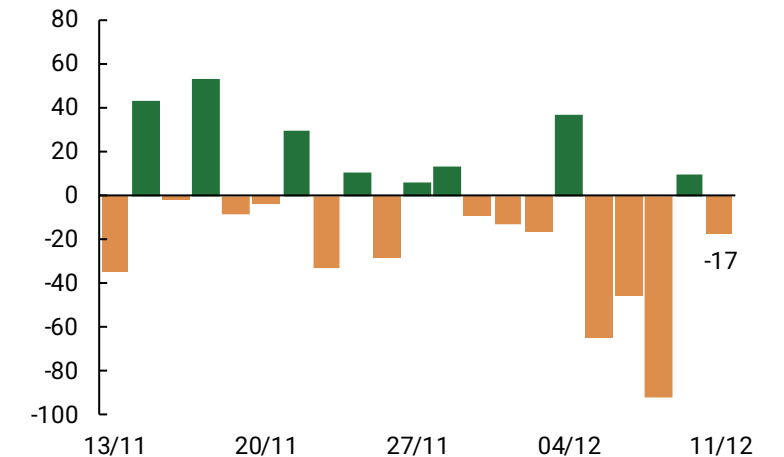
	SHS	CEO	PVS	VFS	MST
%DoD	-0.5%	0.0%	-0.3%	-0.6%	6.5%
Giá trị	251	166	55	39	37

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	KSV	TPP	HUT	CEO	PVS
%DoD	2.2%	0.0%	-1.2%	0.0%	-0.3%
Giá trị	46	21	15	5	4

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Cụm ba nến giảm, vol giảm dần.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 - 1720.
- ✓ Kháng cự: 1750 - 1760.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà tăng.

Kịch bản: Áp lực điều chỉnh tiếp tục chiếm ưu thế đẩy chỉ số về mốc tâm lý 1700 điểm. Đây là vùng hỗ trợ mạnh, VN-Index khả năng còn rung lắc, kiểm định thêm quanh đây. Điểm sáng là thanh khoản giảm, cho thấy lực cung hạ bớt. Nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1690, trạng thái có thể trở lại đi ngang lưỡng lự trong vùng 1640 - 1690 điểm, trước khi hình thành xu hướng mới rõ ràng hơn.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Cụm ba nến giảm, vol giảm dần.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 - 1920.
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà tăng.

➔ VN30 nổi dài đà giảm sau khi tiếp cận mục tiêu cản 2000 điểm. Vận động lùi về dưới vùng 1940 - 1960 và đang trở về kiểm định ngưỡng hỗ trợ duy trì 1920 điểm. Đây là vùng nâng đỡ tốt cho ngắn hạn, kỳ vọng giao dịch sẽ trở lại giằng co, củng cố quanh đây. Nếu chỉ số tiếp tục suy yếu dưới ngưỡng 1920, sẽ gia tăng khả năng phá vỡ mốc tâm lý 1900 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	SHB	SELL	Current price		16.4	P/E (x)	6.3	
Exchange	HOSE		Action price		16.75	-2.4%	P/B (x)	1.1
Sector	Banks		Selling price		12/12	16.4	EPS	2576.9
							ROE	19.1%
							Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá giảm về dưới MA20 ngày và chưa thể hồi phục.
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu và giảm về miền âm, cùng với RSI cũng giảm xuống dưới mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Thanh khoản thấp cho thấy lực cầu bắt đáy thận trọng.
 - Rủi ro thị trường: Độ rộng suy yếu và áp lực giảm điểm từ nhóm trụ cột tác động đến chỉ số, có thể gây ảnh hưởng đến cổ phiếu riêng lẻ.
- ➔ Rủi ro điều chỉnh sâu hơn nếu thị trường suy yếu.
- ➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	SHB	Bán	12/12/2025	16.35	16.75	-2.4%	18.5	10.4%	15.9	-5.1%	Rủ ro thị trường

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	PC1	Nắm giữ	18/11/2025	02/12/2025	21.50	22.5	-4.4%	25.0	11.1%	21.0	-6.7%	
2	PHR	Nắm giữ	28/11/2025	10/12/2025	56.20	56.6	-0.7%	64.0	13.1%	54.0	-4.6%	Nâng cắt lỗ 54
3	DGW	Mua	01/12/2025	-	41.25	43.70	-5.6%	50.0	14.4%	40.0	-8.5%	
4	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	65.70	64.2	2.3%	71.0	10.6%	61.5	-4.2%	Nâng cắt lỗ 61.5
5	DBC	Mua	04/12/2025	-	27.30	27.60	-1.1%	30.5	10.5%	26.0	-5.8%	
6	VGT	Mua	05/12/2025	-	12.5	12.7	-1.3%	14.0	10.7%	12.0	-5.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1919, giảm 15.9 điểm (-0.8%). Vận động biến động mạnh trong phiên theo cả hai chiều, nhưng nhìn chung lực cung chiếm ưu thế. Giá lao dốc nhanh hơn vào cuối phiên chiều, khi các mã trụ cột trong rổ VN30 mất đà.
- Ở đồ thị 15 phút**, chỉ báo MACD vẫn trên đà giảm và còn dưới miền âm, trong khi RSI cũng giữ trạng thái suy yếu, hàm ý áp lực điều chỉnh đang chi phối. Dẫu vậy, trạng thái đang ở vùng quá bán nên có thể thúc đẩy nhịp hồi kỹ thuật, tuy nhiên, cần tín hiệu xác nhận rõ ràng. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 1926. Vị thế Short có thể tham gia khi giá tiếp tục lùi về dưới ngưỡng 1915.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1823, giảm 14 điểm (-0.8%). Độ lệch basis 4.1 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 85 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1815 - 1820, trong khi kháng cự là ngưỡng 1835 - 1840.

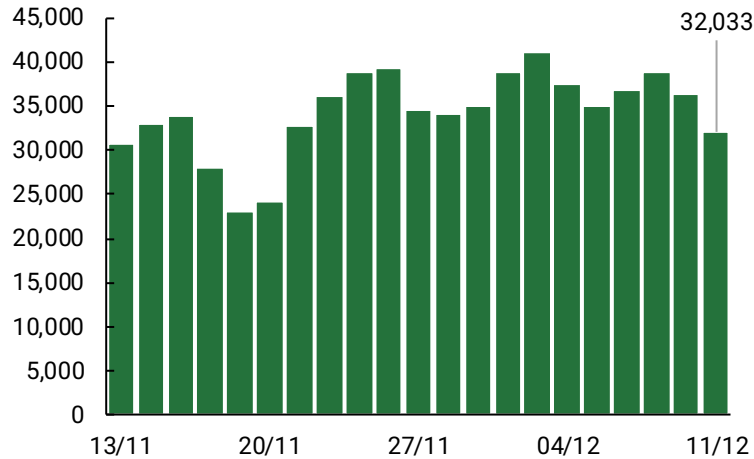
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.926	1.936	1.919	10 : 07
Short	< 1.915	1.903	1.922	12 : 07

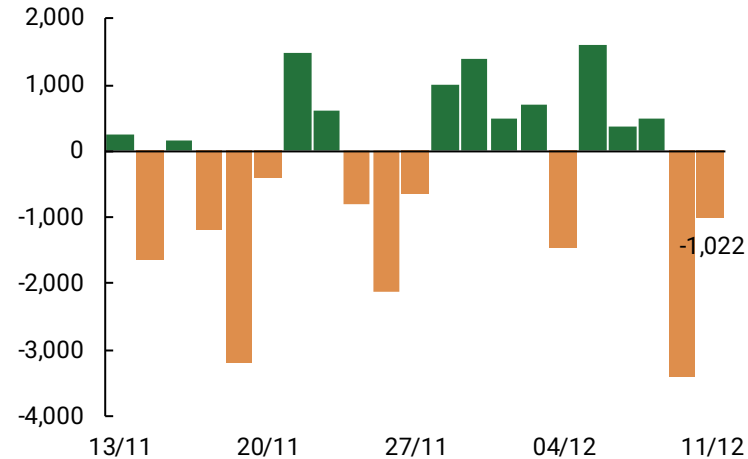
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,911.1	-29.4	32	251	1,934.3	-23.2	18/06/2026	189
41I1G3000	1,916.0	-13.0	89	445	1,929.5	-13.5	19/03/2026	98
41I1G1000	1,916.0	-16.0	1,334	2,452	1,926.1	-10.1	15/01/2026	35
VN30F2512	1,919.1	-15.9	335,919	32,033	1,924.7	-5.6	18/12/2025	7
41I2FC000	1,823.0	-14.1	85	31	1,827.4	-4.4	18/12/2025	7

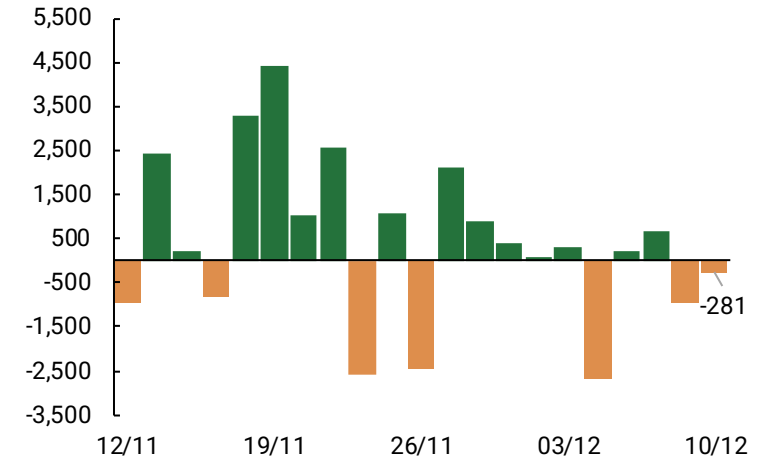
Khối lượng mở (Open interest)



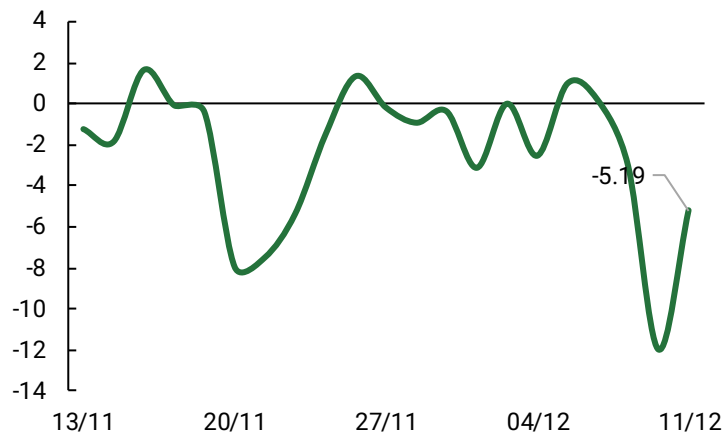
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



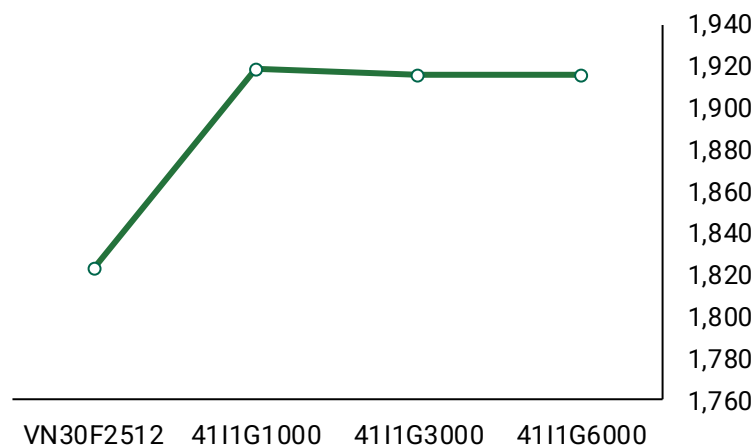
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



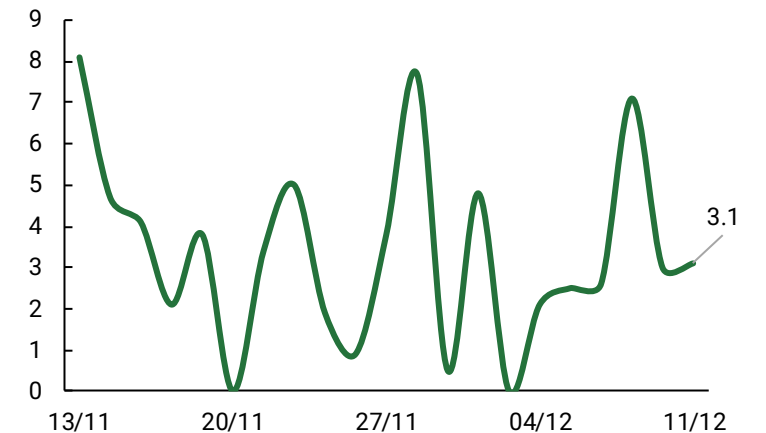
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	77,000	65,400	-15.1%	Bán
BCM	65,200	74,500	14.3%	Tăng tỷ trọng
CTD	84,000	91,400	8.8%	Nắm giữ
CTI	23,000	27,200	18.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	49,500	68,000	37.4%	Mua
DDV	25,071	35,500	41.6%	Mua
DGC	94,600	102,300	8.1%	Nắm giữ
DGW	41,250	48,500	17.6%	Tăng tỷ trọng
DPG	42,600	53,100	24.6%	Mua
DPR	37,550	46,500	23.8%	Mua
DRI	12,602	17,200	36.5%	Mua
EVF	11,600	14,400	24.1%	Mua
FRT	150,000	135,800	-9.5%	Giảm tỷ trọng
GMD	58,000	72,700	25.3%	Mua
HAH	58,600	67,600	15.4%	Tăng tỷ trọng
HDG	30,200	33,800	11.9%	Tăng tỷ trọng
HHV	14,400	12,600	-12.5%	Bán
HPG	26,550	12,600	-52.5%	Bán
IMP	49,000	55,000	12.2%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,850	22,700	-8.7%	Giảm tỷ trọng
MSH	33,650	43,100	28.1%	Mua
MWG	82,300	92,500	12.4%	Tăng tỷ trọng
NLG	34,800	39,950	14.8%	Tăng tỷ trọng
NT2	23,600	27,400	16.1%	Tăng tỷ trọng
PHR	56,200	72,800	29.5%	Mua
PNJ	88,000	96,800	10.0%	Tăng tỷ trọng
PVT	18,000	18,900	5.0%	Nắm giữ
SAB	52,300	59,900	14.5%	Tăng tỷ trọng
TLG	54,100	53,400	-1.3%	Giảm tỷ trọng
TCB	33,400	35,650	6.7%	Nắm giữ
TCM	27,150	38,400	41.4%	Mua
TRC	78,100	95,800	22.7%	Mua
VCG	24,350	26,200	7.6%	Nắm giữ
VHC	55,600	60,000	7.9%	Nắm giữ
VNM	61,500	66,650	8.4%	Nắm giữ
VSC	21,200	17,900	-15.6%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 01/12 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/12 Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
- 06/12 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng
- 09/12 Úc – RBA công bố lãi suất
- 10/12 Canada – BOC công bố lãi suất
- 11/12 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
- 12/12 Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
- 17/12 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
- 18/12 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Anh – BoE công bố lãi suất
- 19/12 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 23/12 Mỹ - Ước tính GDP q/q (Q3)
- 31/12 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

THÔNG TIN VĨ MÔ

Fed hạ lãi suất 25 bps: FOMC đã quyết định hạ lãi suất thêm 25 bps trong cuộc họp ngày 10/12 với tỷ lệ 9 phiếu thuận và 3 phiếu chống, đưa lãi suất quỹ liên bang về vùng mục tiêu 3,5% – 3,75%. Đây là lần giảm lãi suất thứ ba liên tiếp trong năm, phù hợp với kỳ vọng của thị trường và nối tiếp các đợt cắt giảm vào tháng 9 và tháng 10.

Luật Thuế TNCN mới thêm ưu đãi cho quỹ đầu tư, giữ nguyên thuế 0,1% với giao dịch cổ phiếu: Luật Thuế TNCN sửa đổi miễn thuế cho chứng chỉ quỹ mở năm giữ từ hai năm trở lên và giảm 50% thuế với lợi tức từ quỹ đầu tư; thuế giao dịch cổ phiếu giữ nguyên 0,1%, còn đầu tư vốn chịu 5% và chuyển nhượng phần vốn áp 20% hoặc 2% nếu không xác định được giá vốn. Thuế với thừa kế, quà tặng chứng khoán là 10% phần vượt 20 triệu; tài sản số áp 0,1%. Luật có hiệu lực từ 1/7/2026, một số quy định áp dụng từ kỳ thuế 2026.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

IBC, HVG – Bị hủy tư cách công ty đại chúng: UBCKNN đã hủy tư cách công ty đại chúng của Apax Holdings (IBC), Thủy sản Hùng Vương (HVG). IBC bị loại sau khi ông Nguyễn Ngọc Thủy bị khởi tố, doanh nghiệp mất thanh khoản và vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin. HVG từng là “vua cá tra” rồi nhóm đại chúng sau nhiều năm thua lỗ, rủi ro tài chính tăng cao và lỗ lũy kế vượt 1.743 tỷ đồng.

HPG - Hoà Phát có thể chỉ bị Canada áp thuế 5,7% chống bán phá giá, thậm chí bằng 0 trong khi nhiều DN khác bị áp tới 158,9%: CBSA đã công bố kết luận cuối cùng, xác định có hành vi bán phá giá đối với dây thép carbon và hợp kim thép từ nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Thép dây Hòa Phát chịu biên độ bán phá giá 5,7%, giảm mạnh so với mức sơ bộ 13,4%. Các doanh nghiệp Việt Nam khác bị áp biên độ rất cao, lên tới 158,9%. Bên cạnh đó, Hòa Phát chuẩn bị đầu tư hơn 2.800 tỷ đồng xây dựng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt giai đoạn 1 tại Hưng Yên, với quy mô 235 ha trong tổng quy hoạch 296 ha. Dự án gồm đất nhà máy, dịch vụ, hạ tầng, cây xanh và giao thông, nằm gần cao tốc Hà Nội – Hải Phòng.

KBC – Công ty con nộp hồ sơ 2 dự án điện gió tổng mức đầu tư gần 14.700 tỷ đồng: Đến hạn nộp hồ sơ ngày 4/12/2025, chỉ có CTCP Khu công nghiệp Sài Gòn – Bắc Giang (công ty con của KBC) đăng ký thực hiện hai dự án điện gió Vân Canh 1 và 2 tại Gia Lai. Hai dự án dự kiến tạo ra hơn 1,1 tỷ kWh điện mỗi năm.

VGS - Thép Việt Đức bắt tay Vinaconex mở đường cho dự án bất động sản 6.300 tỷ đồng: CTCP Ống thép Việt Đức (VG PIPE) vừa công bố thông tin về việc thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG). Theo đó, hai doanh nghiệp sẽ cùng đầu tư, phát triển và kinh doanh Giai đoạn 1 của dự án khu đô thị Việt Đức Legend City.

HSL – Công bố nghị quyết về việc đầu tư và chuyển nhượng cổ phần CTCP MilliLand và CTCP Đầu tư nông nghiệp Bình Thắng: HSL dự kiến chi 45 tỷ đồng để nhận chuyển nhượng 4,5 triệu cổ phần và nắm 90% vốn của Milli Land, qua đó trở thành công ty mẹ của doanh nghiệp bất động sản này. Đồng thời, HSL cũng mua 2,85 triệu cổ phần tại CTCP Đầu tư nông nghiệp Bình Thắng với giá trị 28,5 tỷ đồng, nâng tỷ lệ sở hữu lên 95%. Hai thương vụ giúp HSL nắm quyền kiểm soát tại 2 công ty con mới trong lĩnh vực bất động sản và nông nghiệp.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415